

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 78/2004/QĐ-BTC ngày 06/10/2004 về việc ban hành mức thu phí sử dụng đường bộ đoạn An Sương - An Lạc, quốc lộ 1A.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Sau khi có ý kiến của Bộ Giao thông vận tải tại Văn bản số 5095/GTVT-TC ngày 23/9/2004;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu mức thu phí sử dụng đường bộ đoạn An Sương - An Lạc, quốc lộ 1A.

Điều 2. Đối tượng áp dụng thu phí sử dụng đường bộ đoạn An Sương - An Lạc, quốc lộ 1A thực hiện theo quy định tại Mục III Phần I của Thông tư số 90/2004/

TT-BTC ngày 07/9/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 90/2004/TT-BTC).

Điều 3. Phí sử dụng đường bộ đoạn An Sương - An Lạc, quốc lộ 1A được quản lý, sử dụng theo quy định đối với đường bộ đầu tư để kinh doanh quy định tại Mục IV Phần II của Thông tư số 90/2004/TT-BTC.

Điều 4. Công ty trách nhiệm hữu hạn BOT An Sương An Lạc - đơn vị được Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ tổ chức thu phí sử dụng đường bộ đoạn An Sương - An Lạc, quốc lộ 1A thực hiện đăng ký, kê khai, thu, nộp phí, sử dụng chứng từ thu phí, thực hiện trách nhiệm của tổ chức thu phí theo đúng quy định tại Thông tư số 90/2004/TT-BTC.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 6. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp phí, Công ty trách nhiệm hữu hạn BOT An Sương An Lạc - đơn vị được Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ tổ chức thu phí sử dụng đường bộ đoạn An Sương - An Lạc, quốc lộ 1A và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thủ trưởng

Trương Chí Trung

**BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ
ĐOẠN AN SƯƠNG - AN LẠC, QUỐC LỘ 1A**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 78/2004/QĐ-BTC
ngày 06/10/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).*

Số thứ tự	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mệnh Giá	
		Vé lượt (đồng/vé/lượt)	Vé tháng (đồng/vé/tháng)
1	Xe lam, xe bông sen, xe công nông, máy kéo.	5.000	150.000
2	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn và các loại buýt vận tải khách công cộng.	10.000	300.000
3	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; Xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn.	15.000	450.000
4	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; Xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn.	25.000	750.000
5	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 fit.	30.000	900.000
6	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 fit.	40.000	1.200.000

Ghi chú: - Tải trọng của từng loại phương tiện áp dụng mệnh giá trên là tải trọng theo thiết kế.

- Đối với việc áp dụng mức thu phí đối với xe chở hàng bằng Container (bao gồm cả đầu kéo móc chuyên dùng): áp dụng mức thu theo tải trọng thiết kế của xe không phân biệt có chở hàng hay không chở hàng, kể cả trường hợp chở hàng bằng Container có tải trọng ít hơn tải trọng thiết kế vẫn áp dụng mức thu theo tải trọng thiết kế./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 8233947

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng